

Gender inequality in Nguyễn Dữ's *Truyen ky man luc* from cultural perspective

Nguyen Dinh Thu*

Faculty of Social Sciences and Humanities, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 20/06/2021; Revised: 16/08/2021;

Accepted: 22/08/2021; Published: 28/08/2021

ABSTRACT

Truyen ky man luc (Collection of Strange Tales) by Nguyễn Dữ is considered as a masterpiece of Vietnamese legends in medieval Vietnamese literature. The work has shown many manifestations and consequences of gender inequality in contemporary feudal society that women have to endure, thereby enhancing its realistic and humanitarian value. Despite not realizing the existence of gender inequality and its causes in feudal society, *Truyen Ky Man Luc* is still worthy of being one of the most typical works of medieval Vietnamese prose in Han script thanks to its great artistic and content contributions

Keywords: *Gender inequality, Truyen ky man luc, Nguyễn Dữ, cultural perspective.*

*Corresponding author.

Email: nguyendinhthu84@gmail.com

Vấn đề bất bình đẳng giới trong *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ từ góc nhìn văn hóa

Nguyễn Đình Thu*

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 30/06/2021; Ngày sửa bài: 16/08/2021;

Ngày nhận đăng: 22/08/2021; Ngày xuất bản: 28/08/2021

TÓM TẮT

Truyện kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ được đánh giá là đỉnh cao của thể loại truyện kỳ trong văn học trung đại Việt Nam. Tác phẩm đã cho người đọc thấy được nhiều biểu hiện cùng hậu quả của sự bất bình đẳng giới trong xã hội phong kiến đương thời mà người phụ nữ phải gánh chịu, góp phần làm tăng giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo cho tập truyện. Dù chưa nhận ra được sự tồn tại của vấn đề bất bình đẳng giới cùng căn nguyên của nó trong xã hội phong kiến nhưng qua những đóng góp lớn về nội dung và nghệ thuật, *Truyện kỳ mạn lục* vẫn xứng đáng là một trong những tác phẩm tiêu biểu của văn xuôi chữ Hán Việt Nam thời trung đại.

Từ khóa: Bất bình đẳng giới, *Truyện kỳ mạn lục*, Nguyễn Dữ, góc nhìn văn hóa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Truyện kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ là một “tập đại thành”, “áng thiên cổ kỳ bút”, tác phẩm truyện kỳ tiêu biểu trong thành tựu văn xuôi chữ Hán Việt Nam thời trung đại. Từ lâu, nhiều nhà nghiên cứu, học giả trong và ngoài nước đã quan tâm khai thác giá trị của tác phẩm này ở phương diện đặc điểm thể loại, hình tượng nhân vật, hệ thống chủ đề, thi pháp, nhất là nghiên cứu tác phẩm trong mối tương quan với truyện kỳ Đông Á cũng như với một số tác phẩm truyện kỳ trung đại Việt Nam.¹⁻³ Cho đến nay vẫn chưa có một công trình chuyên sâu, mang tính hệ thống nghiên cứu *Truyện kỳ mạn lục* từ góc nhìn văn hóa. Dù vậy, những bài viết, công trình nghiên cứu của người đi trước đã gợi dẫn nhiều vấn đề để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu tập truyện kỳ này.

Tập truyện phản ánh nhiều vấn đề của hiện thực đương thời, trong đó bất bình đẳng

giới là một trong những vấn đề nổi bật, đáng lưu tâm. Nghiên cứu vấn đề bất bình đẳng giới trong *Truyện kỳ mạn lục* từ góc nhìn văn hóa là đặt tác phẩm trong bầu khí quyền của môi trường thời trung đại nhằm mô tả và lý giải những biểu hiện bất bình đẳng giới dựa trên những căn nguyên, cơ tầng văn hóa đã tác động, chi phối, quy định đến các yếu tố trong cấu trúc, thi pháp của tác phẩm.⁴ Bài viết này góp phần giải mã nhiều giá trị nghệ thuật còn ẩn tàng trong tác phẩm, bổ sung điểm nhìn tham chiếu trong việc định hình đặc trưng thể loại truyện kỳ trung đại Việt Nam, tiếp tục nâng cao hiệu quả giảng dạy tác phẩm văn học thuộc thể loại truyện kỳ.

2. VẤN ĐỀ BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG VĂN HỌC TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA

Nếu “giống” thuộc về kiến tạo tự nhiên thì “giới” lại là một kiến tạo xã hội. Từ trong những diễn ngôn huyền thoại (Thần thoại, Sử thi, Truyền thuyết,...) cho đến những diễn ngôn tôn giáo,

* Tác giả liên hệ chính.

Email: nguyendinhthu84@gmail.com

chính trị, đạo đức (Kitô giáo, Hindu giáo, Nho giáo,...), con người đã từng bước xác lập vị trí, vai trò, trách nhiệm, quyền lợi của từng giới trong tất cả các mối quan hệ xã hội.^{5,6} Từ đó dẫn đến những đặc điểm về tâm lý, tính cách, khát vọng, số phận của từng giới; biểu hiện ra là những đặc điểm về ngôn ngữ, cử chỉ, hành động, cách ăn mặc,... của mỗi giới cũng như môi trường (không gian, thời gian) mà giới đó tồn tại, hoạt động. Những diễn ngôn này đã từng bước đưa quỹ đạo xã hội loài người từ chế độ mẫu hệ sang chế độ phụ quyền. Về bản chất, đây là những diễn ngôn của nam giới, là trò chơi nguy tạo, mà ở đó vai trò của đàn ông được đẩy lên thành trung tâm, còn phụ nữ bị đẩy xuống làm thứ yếu, trở thành cái khác, cái phụ thuộc; tạo nên sự bất bình đẳng giới tồn tại một cách dai dẳng, chuyển thành vô thức cộng đồng không dễ gì xóa bỏ được, ngay cả khi phong trào đấu tranh đòi nữ quyền cũng như lý thuyết nữ quyền luận trên thế giới đã đạt được nhiều thành tựu.

Văn học nghệ thuật phản ánh mọi mặt đời sống xã hội,⁷ trong đó có vấn đề về giới. Những quan niệm giới, đặc điểm giới, biểu hiện bất bình đẳng giới, cho đến tiếng nói đòi bình quyền giới có lúc được phát ngôn trực tiếp, có khi ẩn tàng kín đáo qua từng hình tượng, biểu tượng và ngôn ngữ nghệ thuật. Trên cả phương diện lý thuyết lẫn ứng dụng, gắn liền với trào lưu nữ quyền đầu thế kỷ XX, vấn đề giới (nhất là những biểu hiện bất bình đẳng giới) ngày càng được nghiên cứu sâu rộng ở nhiều quốc gia, dân tộc, trong đó có Việt Nam. Trên tinh thần giải cấu trúc,⁵ các nghiên cứu về giới đã lần lượt phân biệt lại kiến tạo giới trong lịch sử, xác lập lại vai trò bình đẳng của phụ nữ. Từ đó vấn đề giới nói chung, bất bình đẳng giới nói riêng được mở rộng nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực: tâm lý, văn hoá, ngôn ngữ, chủng tộc, trong đó có văn học nghệ thuật.

3. BIỂU HIỆN VÀ CĂN NGUYÊN BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG *TRUYỀN KỲ MẠN LỤC*

Khảo sát 20 thiên truyện trong tập *Truyền kỳ mạn lục*,⁸ chúng tôi nhận thấy vấn đề bất bình đẳng giới được biểu hiện ở nhiều khía cạnh khác

nhau, mà phía bị khinh thị, chịu thiệt thòi chính là ở giới nữ.

Trong tác phẩm *Chuyện gã Trà đồng giáng sinh* có đoạn kể rằng: “Năm năm mươi tuổi, Đức Công vẫn không có con trai, chợt bị ốm nặng rồi chết [...]. Dương gian thật không có người nào được thế, cứu sống cho mọi người nhiều lắm. Chỉ tiếc hưởng tuổi không dài và dòng sau không người nối dõi”.⁸ Chỉ với vài dòng kể ngắn gọn đã cho ta thấy biểu hiện bất bình đẳng giới được thể hiện ngay ở mong muốn sinh được con trai hơn là con gái, ở quan niệm con trai mới là người nối dõi tông đường. Đó rõ ràng là thái độ kỳ thị giới tính, quan niệm trọng nam khinh nữ. Điều này xuất phát, chịu sự chi phối từ trong tư tưởng của học thuyết Nho giáo như: “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” (Một nam cũng được xem là có, mười nữ cũng xem như không), “Nữ nhi ngoại tộc” (con gái ở ngoài dòng họ), không sinh được con (nhất là con trai để nối dõi) là một trong những tội đại bất hiếu,...⁹ Những quan niệm bất bình đẳng giới này vốn đã “Thâm căn cố đế” trong đời sống của xã hội phong kiến và vẫn còn là vấn đề thời sự trong xã hội ngày nay. Sự nhẹ nhàng, tinh tế từ cách kể chuyện cùng với sự tinh nhạy nắm bắt, phản ánh những vấn đề bản chất của hiện thực đương thời như trên đã góp phần đưa *Truyền kỳ mạn lục* trở thành tác phẩm có giá trị vượt thời gian.

So với những tác phẩm văn học ở giai đoạn trước, trong *Truyền kỳ mạn lục*, hình tượng người phụ nữ đã xuất hiện nhiều hơn, thậm chí trở thành nhân vật chính, trung tâm của sự phản ánh. Tuy nhiên, xét từ phạm vi gia đình đến ngoài xã hội thì vị trí, vai trò, địa vị của họ lại hết sức mờ nhạt. Bản thân họ không có thực quyền, bị tước đi sự lựa chọn, quyết định của bản thân đối với số phận, hạnh phúc cá nhân của chính mình. Đọc *Truyền kỳ mạn lục*, chúng ta nhận thấy những người con, người vợ thường bị trao truyền quyền lực quản lý, sở hữu từ tay cha mẹ sang tay chồng hay vào tay một thế lực đàn ông nào khác trong xã hội. Vũ Nương và Nhị Khanh, một đời hết cung phụng cha mẹ lại lo gánh vác giang sơn nhà chồng cho đến lúc chết (*Chuyện người con gái Nam Xương*, *Chuyện người nghĩa phụ*

ở *Khoái Châu*); Thị Nghi, vì gia cảnh túng quẫn nên bị bán cho một phú thương họ Phạm khi hãy còn nhỏ (*Chuyện yêu quái ở Xương Giang*). Khi bị tước đi quyền tự quyết, người phụ nữ dễ dàng bị các thế lực cầm quyền như vua chúa, quan lại biến thành những con hát, cung nhân chỉ với chức năng dùng để mua vui. Đào thị vốn là cung nhân thời Trần. Khi vua Dụ Tôn mất, nàng bị thải ra ngoài, sống một cuộc sống vất vưởng nay đây mai đó (*Chuyện nghiệp oan của Đào thị*). Lệ Nương đang sống một cuộc sống yên bình cùng hôn ước với Phật Sinh sắp được thực hiện thì lại bị bắt vào cung (*Chuyện Lệ Nương*). Hay như Túy Tiêu chỉ là một con hát trong tư gia của quan Trần soái Lạng Giang Nguyễn Trung Ngạn. Nàng dễ dàng bị Nguyễn Trung Ngạn tặng cho Dư Nhuận Chi chẳng khác gì một món quà (*Chuyện nàng Túy Tiêu*). Những người phụ nữ trong *Truyện kỳ mạn lục* họ còn gặp gỡ nhau ở điểm chung thiết thời là không có cơ hội học tập hay tham gia vào bộ máy chính quyền nhà nước một cách bình đẳng như nam giới. Những chức tước mà các nhân vật nữ chính có thường chỉ được phong sau khi họ đã mất, nhờ vào đức hạnh khi sống. Cùng với đó là không gian để các nhân vật nữ tồn tại, hoạt động nổi bật là kiểu không gian nhỏ hẹp, khép kín, hoang phế. Dương thị bị giam lỏng trong tư dinh của thần Thuồng Luồng (*Chuyện đối tụng ở Long cung*); hai nàng tinh hoa Đào Hồng Nương và Liễu Nhu Nương sống trong dinh cơ cũ đã bỏ hoang của quan Thái sư triều Trần (*Chuyện kỳ ngộ ở Trại Tây*); hay như Nhị Khanh (*Chuyện cây gạo*), ngay cả khi đã mất cũng không được mai táng tử tế, quan tài của nàng chỉ đặt trong một túp nhà tranh bỏ hoang ngoài đồng, “dây vôi dây bìm leo đầy lên vách và lên mái”.⁸ Căn nguyên của sự bất bình đẳng này cũng xuất phát từ trong quan niệm của Nho giáo phong kiến, khi người con trai được đánh giá là bậc quân tử, có trách nhiệm lớn lao với gia đình, dòng tộc, đất nước thì phụ nữ lại bị xem là hạng tiểu nhân, phải chịu thân phận phụ thuộc.⁹

Trong loại hình nhân vật siêu nhiên bước ra từ những trang văn của *Truyện kỳ mạn lục*, chúng ta còn dễ dàng nhận ra số lượng lớn các nhân vật là yêu nữ, ma nữ.³ Đây là những nhân

vật phản diện được khắc họa với vẻ bề ngoài hết sức tươi đẹp, sở hữu nhiều tài năng (cầm, kỳ, thi, họa,...) nhưng lại đối lập với bản chất, tính cách bên trong, như chuyên quyền rũ răn ông để hấp thụ dương khí, hoặc làm những điều tác oai tác quái, quấy nhiễu dân chúng. Nếu bóc tách, bỏ đi lớp vỏ kỳ ảo, ta còn thấy ẩn sau loại nhân vật này là cái nhìn không mấy thiện cảm đối với phụ nữ, rằng phụ nữ là đối tượng thường gây ra những điều xui xẻo, tai ương, hệ lụy đối với nam giới. Vì suốt ngày gần gũi với hai nàng tinh hoa mà nho sinh Hà Nhân không thể chuyên tâm học hành (*Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây*); viên quan họ Hoàng, khi chung sống với Thị Nghi, vốn là hồn ma đã sinh ra điên cuồng (*Chuyện yêu quái ở Xương Giang*); Trình Trung Ngộ vì đam mê luyến ái với hồn ma Nhị Khanh nên bỏ bê việc buôn bán, cuối cùng sinh mê sảng, ôm quan tài Nhị Khanh mà chết (*Chuyện cây gạo*); và trái với lẽ thông thường của một vị sư tu hành, vì không vượt qua được cảm dỗ sắc dục trước Hàn Than mà sư Vô Kỷ đã phạm vào ngũ giới (năm điều cấm kỵ) của nhà Phật (*Chuyện nghiệp oan của Đào thị*). Có thể nói, từ trong quan niệm âm dương thời cổ đại, phụ nữ đã bị xếp vào cực âm (xấu) trong mối tương quan với đàn ông là cực dương (tốt). Đến chế độ phong kiến, giới cầm quyền nói riêng cũng như xã hội nói chung lại có cái nhìn kì thị với nữ sắc, coi sắc đẹp phụ nữ là nguồn căn của tội lỗi. Trong khi đó, nguyên nhân sâu xa lại xuất phát từ chính hiện thực của chế độ phong kiến đương thời, đối lập với việc củng cố địa vị của nam giới, nhà nước đã không có những cơ chế thực sự nghiêm ngặt, bình đẳng nhằm bảo vệ cho người phụ nữ (nhất là những người phụ nữ có nhan sắc, tài hoa) được an toàn, dẫn đến những bi kịch cho chính bản thân họ và những tai ương, vạ lây cho người thân hay những người xung quanh, khiến họ bị xem là hiện thân cho những điều không tốt đẹp, cần phải xa lánh.⁴

Biểu hiện bất bình đẳng giới trong *Truyện kỳ mạn lục* thể hiện tập trung và nổi bật nhất là ở quan hệ hôn nhân - vợ chồng. Hôn nhân bình đẳng và đúng nghĩa tiến bộ phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu cá nhân đến từ cả hai phía nam - nữ dành cho nhau. Đọc *Truyện kỳ*

mạn lục, các cuộc hôn nhân giữa những người phạm trần, có xuất phát điểm là sự cảm mến của cả đôi lứa, được xã hội thừa nhận chỉ xuất hiện duy nhất trong tác phẩm *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu*, giữa Trọng Quỳnh và Nhị Khanh: “Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mới, định kỳ cưới hỏi”.⁸ Hoặc xuất phát điểm của cuộc hôn nhân chỉ đến từ tình cảm yêu mến một phía ở người con trai, như hôn nhân giữa Trương Sinh với Vũ Nương: “Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, người đã thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mến vì dung hạnh, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về”.⁸ Qua đó cho thấy, trong tình yêu nam nữ, sự chủ động thường xuất phát từ phía người con trai và quyền quyết định đi đến hôn nhân lại là chuyện của cha mẹ, hai bên gia đình, dòng tộc. Nhiều tác phẩm của tập truyện lại phản ánh hiện thực: người phụ nữ ở thế hoàn toàn bị động, mất quyền tự chủ, trở thành những vật phẩm hiến tặng trong vỏ bọc hôn nhân. Đó là nàng Lệ Nương bị bắt tiền cung cho vua (*Chuyện Lệ Nương*); là Hán Anh (*Chuyện gã Trà đồng giáng sinh*) trở thành vợ của Dương Thiên Tích vì ý nguyện của cha muốn đền báo công ơn đối với Dương công: “Ngày xưa, tôi từng được chịu ơn dày của Dương công, không biết lấy gì đền báo. Có đứa con gái là Hán Anh, vậy xin hiến cậu để hầu hạ chăn gối”;⁸ là nàng Túy Tiêu (*Chuyện nàng Túy Tiêu*), vốn là tặng phẩm mà Nguyễn Trung Ngạn dành cho chàng Dư Nhuận Chi: “Cuối đời Thiệu Phong nhà Trần, Dư nhân có việc, vào yết kiến quan Trần soái Lạng Giang là Nguyễn Trung Ngạn. Ông Nguyễn thấy Dư đến, lật đặt ra tiếp, đặt tiệc ở Phiếm bích đường thết đãi, gọi mười mấy con hát ra hát múa ở trước tiệc. Trong bọn con hát có ả Túy Tiêu là người rất xinh đẹp. Ông Nguyễn bảo Dư sinh rằng: - Ấy tùy ngài kén chọn trong bọn ấy, hễ bằng lòng ai thì tôi xin tặng cho”.⁸

Trong quan hệ vợ chồng, vấn đề bất bình đẳng giới lại thể hiện trước hết ở sự phân công trách nhiệm và hưởng thụ các quyền lợi không

đồng đều. Trong cuộc sống gia đình, bằng những mỹ từ “thiên tính”, “thiên chức” đầy ngụ ý, là những kiến tạo xã hội mang tính chủ ý của nam giới dành cho nữ giới, người vợ thường phải gánh vác mọi công việc gia đình, điều công bằng mà nói phải có sự chung tay san sẻ của cả người chồng. Tác phẩm *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu* là một minh chứng điển hình: Trọng Quỳnh suốt ngày chỉ biết chơi bời lêu lổng, cờ bạc để một mình vợ là Nhị Khanh lo mọi việc trong gia đình. Sự bất bình đẳng còn được tô đậm ở việc người vợ không chỉ một mực cung phụng mà còn phải tuyệt đối giữ tiết hạnh với chồng trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Tác phẩm *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu* có đoạn kể rằng: “Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền”.⁸ Nỗi ám ảnh lớn nhất và cũng là vấn đề sống còn trong cuộc đời người phụ nữ, người vợ đó là trinh tiết. Bởi vậy, dù mới chỉ bị nghi oan là thất tiết với chồng, Vũ Nương đã phải kết thúc cuộc đời đầy bi kịch của mình bằng bước đường cùng trầm mình xuống bến sông Hoàng Giang tự vẫn (*Chuyện người con gái Nam Xương*). Hay như Lệ Nương, với Phật Sinh mới chỉ là hôn ước, nhưng nàng đã sẵn sàng quyên sinh để thủ tiết với chàng, không chịu nhor khi bị rơi vào tay giặc Minh (*Chuyện Lệ Nương*).

Những biểu hiện bất bình đẳng trong hôn nhân cũng như trong quan hệ vợ chồng nêu trên có cơ sở từ quy định “tam tòng tứ đức” đối với nữ giới trong lễ giáo phong kiến.⁹ Nó như những chiếc vòng kim cô, những sợi dây trời buộc người phụ nữ, không đơn giản là nhằm ổn định trật tự xã hội nói chung, mà sâu xa hơn là nhằm bảo vệ, bồi đắp thêm cho quyền lợi của nam giới, nhất là giới cầm quyền quý tộc, quan lại.

4. HỆ QUẢ BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ THÁI ĐỘ CỦA TÁC GIẢ TRƯỚC VẤN ĐỀ BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG *TRUYỆN KỶ MẠN LỤC*

Từ những biểu hiện bất bình đẳng giới trong quan niệm, ứng xử giữa con người với con người

trong xã hội, *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ còn phơi bày nhiều mảng hiện thực đau lòng mà người phụ nữ trong xã hội phong kiến đã phải gánh chịu. Trong quan hệ với nam giới, tiếng nói của nữ giới trở nên yếu thế. Và hệ quả là họ phải chịu rất nhiều bị kịch.

Vì bị hạn chế, bị tước đi nhiều quyền lợi cả về vật chất lẫn tinh thần từ trong quan niệm, quy định của Nho giáo, lễ giáo phong kiến nên nhìn chung, người phụ nữ trong *Truyện kỳ mạn lục* thường có cuộc sống vô định, bấp bênh; phải cam chịu cảnh khổ cùng, ngọt ngạt, khổ đau, tủi nhục (*Chuyện cây gạo*, *Chuyện Yêu quái ở Xương Giang*, *Chuyện đối tụng ở Long cung*, ...). Nhất là khi có những biến cố lịch sử - xã hội xảy ra, như chiến tranh, binh biến thì người chịu thiệt thòi dai dẳng và lớn nhất không ai khác lại là người phụ nữ (Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, Lệ Nương trong *Chuyện Lệ Nương*). Điều đáng nói là ở lâu trong sự bó buộc, kìm hãm, trong cái khổ, người phụ nữ dần có tâm lý tự ti, phụ thuộc, đánh mất niềm tin vào bản thân mình. Trong *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu*, bà cô Lưu thị khuyên Nhị Khanh đi bước nữa khi đã sáu năm vẫn không có tin tức của Trọng Quý (chồng Nhị Khanh), đơn giản chỉ là để được nương nhờ: “Chi bằng bạn lành kén lựa, duyên mới vương se, lấp những lời giảng gió cọt tre, nương dưới bóng tùng quân cao cả. Tội gì mà bơ vơ trơ trọi, sống cái đời sương phụ buồn tênh”.⁸ Hay trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, Vũ Nương từng cảm thấy hạnh phúc vì được vào cửa nhà giàu, xuất giá cũng chỉ để mong được nương tựa vào chồng: “Thiếp vốn nhà nghèo, được vào cửa tía [...]. Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất”.⁸

Vì bị xem thường, xã hội lại không có những cơ chế, luật pháp nghiêm ngặt để bảo vệ nên nhiều người phụ nữ đã trở thành đối tượng mua vui của nam giới (Đào thị trong *Nghiệp oan của Đào thị*, Túy Tiêu trong *Chuyện nàng Túy Tiêu*, Lệ Nương trong *Chuyện Lệ Nương*, Thị Nghi trong *Chuyện yêu quái ở Xương Giang*, Dương thị trong *Chuyện đối tụng ở Long cung*, ...).

Họ thân nhiên bị bắt, bị cướp vào tay các thế lực cầm quyền, xấu xa mà những người thấp cổ bé họng như họ không cách nào có thể can thiệp được, chỉ còn biết ôm sầu, nuốt hận. Nhân vật nàng Túy Tiêu trong *Chuyện nàng Túy Tiêu* là một minh chứng điển hình: “Gặp ngày mùng một đầu năm, Túy Tiêu rủ mấy người bạn gái đến chùa tháp Báo Thiên dâng hương lễ Phật. Bấy giờ có quan Trại quốc họ Thân thăm đi chơi phố, trông thấy Túy Tiêu đẹp, bắt cướp đem về làm của mình. Sinh làm đơn kiện tận triều đình, nhưng vì họ Thân uy thế rất lớn, các tòa các sở đều tránh kẻ quyền hào, gác bút không dám xét xử. Sinh đau buồn lắm bèn chẳng thiết gì thi cử nữa”.⁸ Hay như Lệ Nương, hết bị bắt vào trong cung lại bị rơi vào tay giặc Minh, cuối cùng phải tự vẫn để thủ tiết với Phật Sinh (*Chuyện Lệ Nương*)...

Điều đáng buồn là ngay trong quan hệ vợ chồng thân thiết, người phụ nữ lại bị chính người chồng của mình bạo hành, ruồng bỏ, phụ bạc, bán đổi, đẩy người vợ đến bước đường cùng phải chết thảm. Trong *Chuyện cây gạo*, Nhị Khanh bị chồng ruồng bỏ, mất khi còn rất trẻ, không được chôn cất tử tế. Ở tác phẩm *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu*, cũng với cái tên Nhị Khanh, nhân vật nữ chính này đã bị chồng mang ra cuộc đánh bạc, trở thành vật sở hữu trong tay lái buôn Đỗ Tam, cuối cùng phải thắt cổ tự vẫn. Vũ Nương (*Chuyện người con gái Nam Xương*) lại bị chồng mắng nhiếc, nghi oan là thất tiết, chỉ còn cách gieo mình xuống bến sông Hoàng Giang để minh oan. Dù có hội tụ bao nhiêu vẻ đẹp hình thức và phẩm chất vừa vặn với thước đo thẩm mỹ của chế độ phong kiến nhưng người phụ nữ ở đây vẫn phải nhận lấy kết cục bi thương. Tấn bi kịch của người phụ nữ càng được khắc sâu, nhấn mạnh khi đối tượng gây ra hậu quả ấy lại là những người chồng từng đầu ấp tay gối. Từ đây, tiếng nói phê phán hiện thực và tấm lòng cảm thương của tác giả đã được biểu hiện một cách mạnh mẽ và sâu sắc. Đó cũng là mạch nguồn khơi gợi cho trào lưu chủ nghĩa nhân văn phát triển rực rỡ trong văn học viết trung đại Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.

Sự bất bình đẳng giới dai dẳng trong xã hội phong kiến còn trở thành mặc định, vô thức cộng đồng, biến cái bất thường thành cái bình thường, được chính giới nữ thừa nhận, thậm chí nữ giới trở thành chủ thể áp bức chính giới mình.⁵ Nhiều thiên truyện trong *Truyện kỳ mạn lục* đã phản ánh một vấn đề tưởng chừng như nghịch lý, đó là bi kịch của các nhân vật nữ lại do chính giới nữ gây ra. *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu* kể về nhân vật Nhị Khanh bị bà cô của mình là Lưu thị cưỡng ép lấy cháu họ ngoại của bà là quan tướng quân họ Bạch... Vì ghen tuông, vợ của quan Hành khiển Ngụy Nhược Chân đã cho người bắt Đào thị và đánh một trận tàn nhẫn đến mức khiến trong lòng Đào thị không bao giờ nguôi khát vọng báo thù (*Chuyện nghiệp oan của Đào thị*). Và Thị Nghi, trong *Chuyện yêu quái ở Xương Giang*, cũng bị vợ của phú thương họ Phạm đánh cho đến chết. Sống trong một xã hội bất công, khi quyền lợi nữ giới được thực thi theo kiểu ban phát nhỏ giọt từ tay của nam giới, những người phụ nữ vốn cùng cảnh ngộ lại trở nên ích kỷ, hẹp hòi, tàn nhẫn với nhau. Hệ quả ấy thật khiến ta phải xót xa, đau lòng.

Đứng trước vấn đề bất bình đẳng giới trong tác phẩm, Nguyễn Dữ đã có cách xử lý qua hành động của nhân vật, tình huống truyện, kết thúc truyện,... tưởng chừng như còn nhiều nghịch lý, không phù hợp. Rằng những đối tượng là nam giới thuộc nhân vật chính diện trực tiếp hay gián tiếp gây ra bi kịch cho người phụ nữ vẫn được tiếp tục sống, chỉ cần đã tỉnh ngộ, cảm thấy hối hận về những việc sai trái mình đã làm; còn người phụ nữ lại thường phải nhận cái chết thảm, dù sau đó có được an ủi, bù đắp bởi sự cảm thương của người đời hay có cuộc sống hạnh phúc ở thế giới bên kia. Trương Sinh trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, hay Trọng Quỳnh trong *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu* đã gây ra cái chết oan uổng, tui nhục cho vợ nhưng chẳng hề bị trừng phạt đích đáng như trong truyện cổ tích. Vậy, phải chăng Nguyễn Dữ đã có thái độ bàng quan trước vấn đề bất bình đẳng giới trong xã hội lúc bấy giờ?

Nhìn vào hiện thực xã hội được phản ánh trong *Truyện kỳ mạn lục*, chúng ta nhận thấy có

vô vàn những mảng đen tối khác nhau: có chiến tranh, có đói nghèo, có sự xuống cấp, suy đồi của vua quan, nho sĩ, thầy tu cho đến thương nhân, và cả những đối xử bất công đối với người phụ nữ,... Tuy nhiên những biểu hiện không công bằng trong ứng xử đối với người phụ nữ lại không được tác giả nhìn nhận là vấn đề bất bình đẳng giới, còn những hệ lụy từ sự bất bình đẳng giới mà người phụ nữ phải gánh chịu lại được tác giả xem như hậu quả của những biến cố lịch sử khách quan, nhất là do sự rạn nứt, suy đồi từ trong những giường mồi của lễ giáo phong kiến, mà đúng ra nguyên nhân sâu xa lại xuất phát từ chính trong các quan niệm, quy định bất bình đẳng của Nho giáo, lễ giáo phong kiến đương thời. Và dường như cao hơn, khái quát hơn, trên con đường lý giải về những bất công, ngang trái đối với người phụ nữ, các tác giả lúc bấy giờ đều tìm đến nguyên nhân mang tính chất siêu hình là bởi sự chi phối của thiên mệnh (mệnh trời). Đó cũng là phong nền văn hóa, thế giới quan, nhân sinh quan nói chung của con người trong xã hội phong kiến đương thời.

Có thể nói, vấn đề bất bình đẳng giới được biểu hiện trong *Truyện kỳ mạn lục* như một lẽ hiển nhiên, một mặc định, một chân lý được cả cộng đồng chấp nhận và tác giả chưa hề có ý thức phản tỉnh, nhận thức lại, càng không có tiếng nói trực tiếp phê phán tư tưởng nam quyền, đòi bình quyền cho nữ giới như trong văn học viết giai đoạn sau này. Trước bức tranh hiện thực xã hội đang có những biểu hiện xuống cấp, trước những bi kịch của con người, nhất là đối với người phụ nữ, tác giả mới chỉ dừng lại ở thái độ hoặc phê phán, hoặc cảm thương nhằm mục đích cảnh tỉnh xã hội, khẳng định Nho giáo, lập lại trật tự phong kiến trên lập trường đạo đức chứ không nhằm mục đích phủ định xã hội trên lập trường tư tưởng nhân văn như trong sáng tác của các tác giả văn học giai đoạn thế kỷ XVIII – XIX. Hạn chế này trong sáng tác của Nguyễn Dữ mang tính lịch sử, và cũng là hạn chế chung trong cái nhìn đối với hiện thực của các tác giả văn học lúc bấy giờ. Là bởi, dù bắt đầu có những biểu hiện suy tàn sau khi đạt đến đỉnh cao cực thịnh ở thế kỷ XV nhưng về cơ bản, chế độ phong kiến

nước ta ở thời đại Nguyễn Dữ (thế kỷ XVI) vẫn còn tương đối ổn định trên nền tảng tư tưởng Nho giáo. Lúc bấy giờ, vẫn chưa có một hệ tư tưởng nào mới, tiến bộ hơn có thể thay thế cho tư tưởng Nho giáo trong việc quản lý xã hội, củng cố vương quyền, xây dựng nhà nước phong kiến. Từ trong tư tưởng của học thuyết Nho giáo, được cụ thể hóa thành những phép tắc ứng xử trong lễ giáo phong kiến, đây vẫn được xem là khuôn vàng thước ngọc, lý tưởng tiến bộ, cao cả cho con người thời đại lúc bấy giờ soi vào, mà giữ vai trò tiên phong lại là tầng lớp quý tộc, Nho sĩ đương thời, trong đó có Nguyễn Dữ.¹⁰ Ngay cả đến những tác phẩm văn học nổi tiếng ở giai đoạn sau, như *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm*, hay *Truyện Kiều*,... trên con đường tìm kiếm nguyên nhân để giải thích cho những bi kịch của người phụ nữ, các tác giả cũng chưa nhận ra đó là hệ quả của sự bất bình đẳng giới, và cuối cùng cũng quay trở về với quỹ đạo của những lý tưởng, khuôn khổ đạo đức Nho giáo.

5. KẾT LUẬN

Tóm lại, trong những mảng hiện thực được phản ánh, *Truyện kỳ mạn lục* đã hé lộ cho người đọc thấy được nhiều biểu hiện của sự bất bình đẳng giới. Ở đó, người phụ nữ bị xem thường, chịu bao thiệt thòi, bất hạnh so với nam giới. Căn nguyên của vấn đề bất bình đẳng giới ở đây, dù trực tiếp hay gián tiếp, hầu hết xuất phát từ sự chi phối trong quan niệm của học thuyết Nho giáo, của lễ giáo phong kiến lúc bấy giờ. Tuy chưa nhận ra sự hiện hữu rõ nét cùng căn nguyên của vấn đề bất bình đẳng giới trong xã hội đương thời, và cũng là hạn chế chung của giai cấp, của thời đại nhưng điều đáng nói và đáng ghi nhận ở Nguyễn Dữ là tác giả đã tô đậm được bức tranh hiện thực đương thời với nhiều mảng màu phong phú, sinh động; ở tinh thần nhân đạo thấm đẫm và nghệ thuật viết truyện truyền kỳ hấp dẫn trong tập truyện. Dù chưa nhận diện và phát ngôn trực tiếp (do sự chi phối của bối cảnh lịch sử và văn hóa), nhưng ẩn sâu trong lời kể chuyện và lời đối thoại của nhân vật trong *Truyện kỳ mạn lục*, người đọc vẫn có thể phần nào nhận ra được thái độ ngầm phê phán chế độ nam quyền và sự cảm thông, trân trọng của tác giả dành cho người phụ

nữ. Đó cũng là tiền đề cho tiếng nói đòi nữ quyền cũng như tư tưởng nhân văn được biểu hiện rõ nét hơn trong văn học viết trung đại ở những thế kỷ sau. Bởi vậy, có thể nói *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ vẫn xứng đáng là một áng “thiên cổ kỳ bút”, một “tập đại thành” trong thành tựu văn xuôi chữ Hán Việt Nam thời trung đại.

Lời cảm ơn: *Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Quy Nhơn với mã số T2020.677.25.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phong Nam. *Truyện truyền kỳ Việt Nam, đặc điểm hình thái – văn hóa & lịch sử*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2015.
2. Lê Dương Khắc Minh. *Truyện truyền kỳ Việt Nam thời trung đại: diện mạo và đặc trưng nghệ thuật*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2019.
3. Phan Thị Thu Hiền (Chủ biên). *Chuyện tình ma nữ trong truyền kỳ Đông Á (Trung Quốc - Korea - Việt Nam - Nhật Bản)*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.
4. Trần Nho Thìn. *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.
5. Châu Minh Hùng, *Giải huyền thoại, lý thuyết và ứng dụng*, Báo cáo tổng kết Đề tài khoa học và công nghệ cấp Trường, Trường Đại học Quy Nhơn, 2019.
6. Châu Minh Hùng. *Giải huyền thoại Thượng Đế, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quy Nhơn, 2021, 15(2), trang 6-19.*
7. Phương Lựu (Chủ biên). *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.
8. Nguyễn Dữ. *Truyện kỳ mạn lục*, Ngô Văn Triện dịch, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh & Nxb Hồng Bàng, Gia Lai, 2011.
9. Trần Trọng Kim. *Nho giáo*, Nxb Thời đại, Hà Nội, 2012.
10. Trần Đình Hượu. *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.